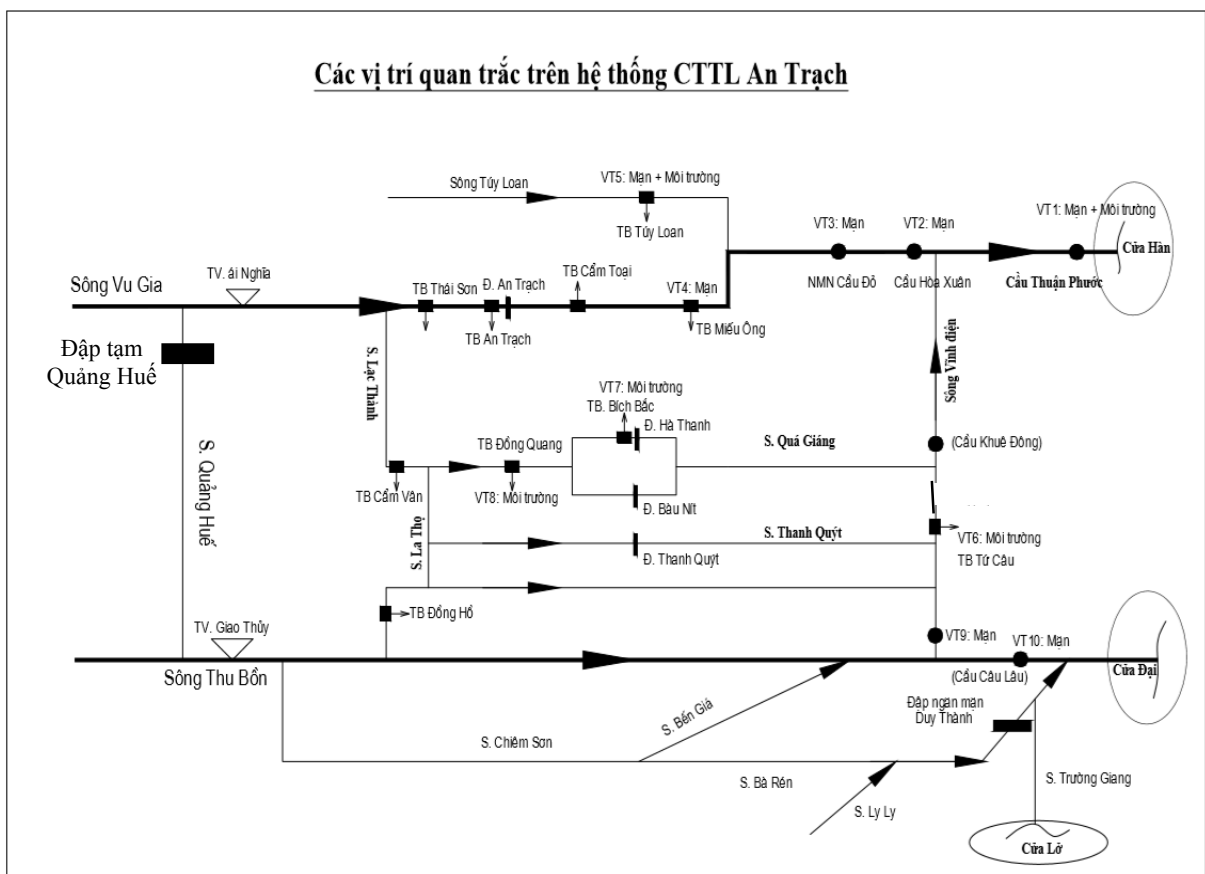


VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 4/2024



Hệ thống thủy lợi An Trạch

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2024

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 4/2024

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN**

PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn

CÁN BỘ THỰC HIỆN

ThS. Đặng Thị Nga

ThS. Nguyễn Ngọc Vinh

ThS. Đoàn Tiến Đạt

ThS. Lê Thị Sương

KS. Nguyễn Thúy Hằng

KS. Nguyễn Thị Nga

KS. Nguyễn Văn Thiên Thủy

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024 được Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2024, có 28 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 10 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả dự báo chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả dự báo chất lượng nước tháng 04 gồm các nội dung: Kết quả độ mặn, kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI tại các vị trí trong tháng 03/2024; kết quả dự báo diễn biến xâm nhập mặn, diễn biến chất lượng nước trong tháng 4/2024 cùng với những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2024

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 4/2024

- Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024.
- Giới thiệu chung về hệ thống thủy lợi An Trạch**

Hệ thống thủy lợi An Trạch là hệ thống thủy lợi liên tỉnh thuộc lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm bốn đập dâng (An Trạch trên sông Yên, Bàu Nít trên sông Bàu Sấu, Hà Thanh trên sông Quá Giáng và Thanh Quýt trên sông La Thọ) và 10 trạm bơm điện phục vụ tưới cho 9.700ha đất của 2 tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và cấp nước sinh hoạt với lưu lượng 350.000m³/ngày đêm (sau năm 2010).
- Ngày quan trắc:** 01/03-31/03/2024.
- Ngày cung cấp thông tin:** 04/04/2024.
- Đơn vị thực hiện:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên
 - PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn (Chủ nhiệm)
 - ThS. Đặng Thị Nga
 - ThS. Nguyễn Ngọc Vinh
 - ThS. Đoàn Tiến Đạt
 - ThS. Lê Thị Sương
 - KS. Nguyễn Thúy Hằng
 - KS. Nguyễn Thị Nga
 - KS. Nguyễn Văn Thiên Thủy
- Người cung cấp thông tin:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên.
- Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Vị trí lấy mẫu:** 10 vị trí

Bảng 1. Vị trí các trạm đo và lý do lựa chọn vị trí đo năm 2024

TT	Ký hiệu	Địa điểm	Mục đích quan trắc
1	VT1	Cầu Thuận Phước	- Quan trắc độ mặn để làm biên dưới cho mô hình - Quan trắc chất lượng nước trước khi đổ ra biển (biên dưới).
2	VT2	Cầu Hòa Xuân	- Quan trắc độ mặn trên sông Cẩm Lệ.
3	VT3	Thượng lưu NMN Cầu Đỏ	- Quan trắc độ mặn trước nhà máy nước Cầu Đỏ.
4	VT4	Trạm bơm Miếu Ông trên sông Yên (hạ du đập dâng An Trạch)	- Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới
5	VT5	Trạm bơm Túy Loan trên sông Túy Loan	- Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới. - Quan trắc chất lượng nước trên nhánh sông Túy Loan.
6	VT6	Trạm bơm Tứ Cầu (sông Vĩnh Điện)	- Quan trắc chất lượng nước ở cửa ra kênh xả của khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc
7	VT7	Trạm bơm Bích Bắc (thượng lưu đập dâng Hà Thanh)	- Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Bích Bắc, tưới cho 1.625ha

TT	Ký hiệu	Địa điểm	Mục đích quan trắc
8	VT8	Trạm bơm Đông Quang	- Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Đông Quang, tưới cho 2.410ha
9	VT9	Vòm Cẩm Đồng (sông Vĩnh Điện)	- Quan trắc và dự báo độ mặn sông Vĩnh Điện để phục vụ trạm bơm tưới.
10	VT10	Cầu Câu Lâu (sông Thu Bồn)	- Quan trắc và dự báo độ mặn trên sông Thu Bồn



Hình 1. Vị trí các điểm quan trắc trong hệ thống thủy lợi An Trạch

9. Thông tin lúc lấy mẫu: Trời nắng.

I/ KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1.1. Kết quả đo độ mặn (VT1, VT2, VT3, VT4, VT5, VT6, VT9, VT10)

Bảng 2. Kết quả đo độ mặn trung bình ngày

TT	Độ mặn (%)						
	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT9	VT10
Ngày 06/03	10,5	3,8	0,9	0	0	0	0
Ngày 13/03	16,2	7,5	2,1	0,6	0,6	0	0
Ngày 20/03	26	15,5	3,2	0,6	1,6	0	0
Ngày 27/03	23,5	14,2	2,5	1,5	1,3	0	0
Ngày 03/04	17,8	8,4	2,5	1,4	1,9	0	0

1.2. Kết quả phân tích chất lượng nước (VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 06 tháng 03 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-06-03	VT5-06-03	VT6-06-03	VT7-06-03	VT8-06-03		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	7,29	7,13	7,38	7,25	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	118,5	12,8	16,5	25,7	36,2		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	5,6	5,4	5,6	5,7	5,8	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	12325	50,57	125,6	28,71	25,39	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	17,3	18,1	30,7	19,4	23,7	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	5	5,4	8,2	4,9	5	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	7,8	8,2	16	8,5	9	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,469	4,573	4,52	4,429	4,413	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,469	0,496	0,581	0,473	0,461	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,203	0,209	0,239	0,205	0,21	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,025	0,024	0,046	0,021	0,028	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	340	660	1420	710	760	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	26,6	33,2	27,1	26,5	26,7		
14	Độ đục		NTU	18,75	20,83	19,76	20,68	49,2		
WQI				90	90	85	90	90		

Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 13 tháng 03 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-13-03	VT5-13-03	VT6-13-03	VT7-13-03	VT8-13-03		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,04	7,14	7,08	7,25	7,41	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	89,47	17,4	23,7	10,8	12,2		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	5,5	5,8	5,8	5,9	5,9	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	14617	62,5	110,3	18,4	12,6	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	12,5	22,8	19,4	16,3	17,9	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	5	5,3	6,4	5	5,1	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	6,5	10	12	8,8	8	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,518	4,629	4,721	4,62	4,257	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,442	0,458	0,552	0,507	0,514	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,21	0,212	0,216	0,215	0,211	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,018	0,032	0,037	0,017	0,02	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	280	560	980	340	310	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	27,6	27,1	27,1	27,1	27		
14	Độ đục		NTU	18,75	117	46,26	26,26	53		
WQI				90	90	88	90	90		

Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 20 tháng 03 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-20-03	VT5-20-03	VT6-20-03	VT7-20-03	VT8-20-03		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	7,21	7,15	7,31	7,28	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	47,2	12,9	18,5	7,34	9,11		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	5,5	5,5	5,9	5,7	5,6	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	12830	53,7	82,6	5,83	7,39	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	22,7	17,3	12,8	12,8	13,5	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,8	5,1	5,3	4,9	4,8	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	7	9	11	7	6,8	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,515	4,783	5,162	4,817	4,884	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,487	0,491	0,534	0,516	0,528	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,196	0,198	0,217	0,202	0,21	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,026	0,016	0,021	0,025	0,016	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	410	440	680	380	340	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	26	30	29	29,5	30,2		
14	Độ đục		NTU	52	17,93	19,94	56	18,15		
WQI				90	90	89	90	90		

Bảng 6. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 27 tháng 03 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-27-03	VT5-27-03	VT6-27-03	VT7-27-03	VT8-27-03		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,05	7,31	7,08	7,22	7,17	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	38,5	28,4	35,8	13,8	16,1		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	4,0	4,7	5,5	4,8	5,2	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	8392	38,5	72,6	8,32	9,65	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	15,3	12,5	29,3	9,483	11,417	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,5	4,8	5	4,7	4,8	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	6,2	8	10,5	6,6	6,9	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,532	4,62	5,145	4,457	4,429	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,482	0,496	0,538	0,483	0,489	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,169	0,171	0,198	0,188	0,175	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,008	0,01	0,032	0,01	0,012	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	380	420	740	360	420	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	26,3	29,2	31,7	30	30,4		
14	Độ đục		NTU	20,17	12,03	19,39	10,12	43,03		
WQI				90	90	90	90	90		

Ghi chú:

- QCVN08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2015.
- + Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự (Vị trí áp dụng: VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)
- QCVN08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2023.
- + Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.
- + Mức phân loại chất lượng nước (loại B): Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ WQI

Bảng 8. Kết quả tính toán chỉ số WQI tại các vị trí

TT	VT lấy mẫu		WQI				Xếp loại			
			06/3	13/3	20/3	27/3	06/3	13/3	20/3	27/3
1	VT1	Cầu Thuận Phước	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
2	VT5	TB Túy Loan	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
3	VT6	TB Tứ Cầu	85	88	89	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
4	VT7	TB Bích Bắc	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
5	VT8	TB Đông Quang	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Theo số liệu quan trắc độ mặn và chất lượng nước tại các vị trí trên hệ thống trong tháng 03/2024, nhận thấy:

3.1. Về độ mặn

Trong tháng 3 vừa qua, các nhà máy thủy điện tại thượng nguồn Quảng Nam đã xả nước về hạ du ít hơn điều này khiến cho mực nước sông tại một số trạm bơm trong khu vực nghiên cứu đạt thấp hơn và độ mặn tại các vị trí quan trắc có xu hướng tăng lên nhiều so với tháng trước.

- Tại Tỉnh Quảng Nam: từ ngày 01/03-04/04/2024, mực nước quan trắc tại đập dâng Bàu Nít dao động từ 1,59 - 2,10m, tại đập dâng Thanh Quýt dao động từ 1,1-1,85m đặc biệt tại đập dâng Thanh Quýt, từ ngày 04/3-08/3 mực nước dao động từ 1,3-1,33m; ngày 15/3 – 22/3 mực nước dao động từ 1,1-1,55m thấp hơn so với mực nước quy định để đảm bảo hoạt động cho các trạm bơm trên hệ thống. Tại trạm thủy văn Ái Nghĩa, mực nước dao động từ 1,86-2,27m. Mặc

dù, công trình đập tạm ngăn mặn Tứ Cầu đã hoàn thiện vào ngày 06/3 nhưng theo kết quả quan trắc mặn vẫn xuất hiện tại các trạm bơm Vĩnh Điện, Cẩm Sa, Tứ Cầu trên nhánh sông Vĩnh Điện, cụ thể: tại trạm bơm Vĩnh Điện độ mặn lớn nhất đo được dao động từ 0 – 0,2‰, tại trạm bơm Cẩm Sa độ mặn lớn nhất đo được dao động từ 0,0-0,6‰, tại trạm bơm Tứ Cầu độ mặn lớn nhất đo được dao động từ 0,3-0,7‰.

- Tại thành phố Đà Nẵng: Độ mặn tại các vị trí VT1- Cầu Thuận Phước, VT2- Cầu Hòa Xuân, VT3- vị trí thượng lưu Nhà máy nước Cầu Đỏ, VT4- TB Miếu Ông và VT5-TB Túy Loan có xu hướng tăng cao hơn so với tháng 2. Đặc biệt tại vị trí thượng lưu nhà máy nước Cầu Đỏ, số liệu độ mặn trong tháng 3 vừa qua cho thấy nguồn nước tại vị trí tại các thời điểm đều vượt giới hạn cho phép, chỉ có 3 thời điểm vào lúc 4h (ngày 08/3) và 17h; 21h (ngày 28/3) độ mặn nằm trong ngưỡng cho phép (250mg/L), giá trị độ mặn tương ứng đạt 63mg/L; 55mg/L và 27mg/L. Ngoài trừ 3 trường hợp trên, thì độ mặn đo được tại vị trí này đều lớn hơn 0,3‰, dao động từ 0,359‰ – 9,585‰ (tương đương 359mg/L - 9585 mg/L). Từ ngày 09/3 trở đi, độ mặn có xu thế tăng mạnh, đã có nhiều thời điểm mặn vượt quá 3‰ như: từ 20h-21h (ngày 09/3) độ mặn đạt từ 3,196-3,623‰; từ 10h-12h (ngày 10/3) độ mặn dao động từ 3,024-3,486‰; từ 13-17h (ngày 18/3) độ mặn dao động từ 3,236 - 5,008‰; từ 11h - 16h (ngày 29/3) độ mặn dao động từ 3,474 - 5,575‰; từ 9h – 16h (ngày 30/3) độ mặn dao động từ 3,454 - 8,359‰; từ 9h-16h (ngày 31/3) độ mặn dao động từ 3,385 - 7,083‰; từ 13h - 17h (ngày 01/4) độ mặn dao động từ 4,058 - 9,304‰; tại khung giờ 00h00 các ngày 29/3-2/4 độ mặn đạt dao động 3,278 - 9,585‰, ...

Theo kết quả quan trắc độ mặn, biến động giá trị độ mặn tại các vị trí trên hệ thống trong tháng 03 như sau:

- Tại VT1-Cầu Thuận Phước: độ mặn dao động từ 10,5-26‰, cao hơn 0,9-12,1‰ so với tháng 2.

- Tại VT2-Cầu Hòa Xuân: độ mặn dao động từ 3,8-15,5‰, cao hơn 2,1-11,4‰ so với tháng 2.

- Tại VT3- thượng lưu NMN Cầu Đỏ: độ mặn quan trắc dao động từ 0,9-3,2‰, vượt 2,6-11,8 lần so với giới hạn cho phép của cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

- Tại VT4-TB Miếu Ông: độ mặn dao động từ 0,0-1,5 ‰, mặn bắt đầu xuất hiện tại trạm bơm Miếu Ông vào đợt quan trắc từ ngày 13/3-03/4/2024 dao động đạt 0,6-1,5 ‰. Sau khi so sánh với giới hạn cho phép cấp nước cho cây lúa, vào ngày 27/3/2024 độ mặn tại trạm bơm Miếu Ông đã vượt 0,5 lần, ngày 03/4 vượt 0,4 lần.

- Tại VT5-TB Túy Loan: độ mặn dao động từ 0,0-1,9‰, mặn bắt đầu xuất hiện tại trạm bơm Túy Loan vào đợt quan trắc từ ngày 13/3-03/4/2024, độ mặn đạt 0,6-1,9 ‰, vượt ngưỡng giới hạn cho phép cấp nước cho cây lúa từ 0,3-0,9 lần.

- Tại VT6-TB Tứ Cầu: mặc dù đã hoàn thiện đập tạm ngăn mặn vào ngày 06/3 nhưng tại các thời điểm quan trắc nguồn nước tại trạm bơm vẫn có dấu hiệu bị mặn, giá trị độ dao động từ 0,1-0,6‰.

- Tại VT9-Vòm Cẩm Đồng và VT10-Cầu Cầu Lâu: Nguồn nước không bị nhiễm mặn, đảm bảo đủ điều kiện cho việc cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.2. Về chất lượng nước

- Sau khi so sánh với *mức độ phân loại chất lượng nước (loại B) được quy định tại Bảng 2 trong QCVN08-MT:2023/BTNMT và cột B1 trong QCVN08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt*, kết quả phân tích chất lượng nước cho thấy phần lớn hàm lượng của các chỉ tiêu tại các vị trí quan trắc trong tháng 03 nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên tại một số thời điểm vẫn có một số chỉ tiêu chưa đảm bảo giới hạn cho phép, cụ thể:

- Đợt quan trắc ngày 06/03/2024, tại VT6 - TB Tứ Câu có nhiều chỉ tiêu có hàm lượng cao hơn hoặc đạt gần bằng giới hạn cho phép, gồm: chỉ tiêu BOD₅, COD vượt giới hạn cho phép của QCVN08-MT:2023/BTNMT, mức vượt tương ứng là 36,7% và 6,7%; chỉ tiêu Photphat (PO₄³⁻-P) có hàm lượng đạt 0,239 mg/l gần bằng giới hạn cho phép của QCVN08-MT:2023/BTNMT; chỉ tiêu Nitrit (NO₂⁻-N) có hàm lượng đạt 0,046mg/L, gần bằng giới hạn cho phép của QCVN08-MT:2015/BTNMT.

- Đợt quan trắc ngày 13/3/2024: chỉ tiêu BOD₅ tại VT6 - Trạm bơm Tứ Câu có hàm lượng vượt giới hạn cho phép của QCVN08-MT:2023/BTNMT với mức vượt tương ứng là 6,7%.

- Đợt quan trắc ngày 27/3/2024: Chỉ tiêu DO tại một số vị trí có hàm lượng chưa đảm bảo giới hạn cho phép (≥ 5 mg/L), cụ thể: Tại VT1-Chân Cầu Thuận Phước: hàm lượng DO đạt 4,0mg/L; Tại VT5-TB Tuý Loan: hàm lượng DO đạt 4,7mg/L; Tại VT7-TB Bích Bắc: hàm lượng DO đạt 4,8mg/L.

- **Về kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI:** qua các đợt quan trắc cho thấy chất lượng nước ở 5 vị trí gồm: cầu Thuận Phước, trạm bơm Tuý Loan, trạm bơm Bích Bắc, trạm bơm Đông Quang và trạm bơm Tứ Câu đều đạt mức Tốt (WQI dao động từ 85-90). Theo quy định tại Quyết định số 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường thì chất lượng nước các vị trí quan trắc vẫn đảm bảo cho mục đích tưới tiêu cũng như các mục đích tương tự khác.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 4/2024

1. Thông tin chung

a. Nhận định xu thế thời tiết

Theo dự báo của Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ, trong tháng 4/2024 nền nhiệt độ xấp xỉ và cao hơn TBNN với chuẩn sai 1,0-2,0°C, lượng mưa các nơi phổ biến xấp xỉ và thấp hơn TBNN và đạt 40-80%, riêng vùng núi có nơi xấp xỉ TBNN và đạt 80-100%.

Thời kỳ 10 ngày đầu tháng (01/4 - 10/4), ở khu vực thành phố Đà Nẵng có nền nhiệt dao động từ 26,5 - 27,5°C, lượng mưa phổ biến từ 0 - 5mm, có nơi cao hơn; tại tỉnh Quảng Nam có nền nhiệt dao động từ 27 - 28°C, lượng mưa phổ biến 0 - 10 mm, có nơi cao hơn.

Thời kỳ 10 ngày giữa tháng (11/4 - 20/4), ở khu vực thành phố Đà Nẵng có nền nhiệt dao động từ 27- 28°C, lượng mưa phổ biến từ 5 - 10mm; tại tỉnh Quảng Nam có nền nhiệt dao động từ 27,5 - 28,5°C, lượng mưa phổ biến 5 - 10mm, có nơi cao hơn.

Thời kỳ 10 ngày cuối tháng (21/4 - 30/4), ở khu vực thành phố Đà Nẵng có nền nhiệt dao động từ 27,5-28,5°C, lượng mưa phổ biến từ 5-10mm, có nơi cao hơn; tại tỉnh Quảng Nam có nền nhiệt dao động từ 28- 29°C, lượng mưa phổ biến 10 - 25mm, có nơi cao hơn.

b. Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản:

Hiện nay, trên địa bàn 2 tỉnh/ thành phố Quảng Nam và Đà Nẵng cây lúa đang trong giai đoạn chín vàng; riêng tại khu vực trạm bơm Miếu Ông, lúa đã bắt đầu thu hoạch.

c. Tình hình vận hành công trình thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi An Trạch đang vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt. Tuy nhiên nhiều thời điểm cuối tháng 03 mực nước quan trắc tại các đập dâng thuộc hệ thống xuống thấp dưới quy định nên có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của các trạm bơm trên hệ thống.

d. Hiện trạng các công trình ngăn mặn

Tại khu vực nghiên cứu có hệ thống các đập dâng An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít, Thanh Quýt và đập ngăn mặn Duy Thành đã được xây dựng kiên cố. Ngoài ra, trên sông Quảng Huế, năm 2021 đã tiến hành xây dựng 01 đập tạm dâng nước trên sông, tuy nhiên đập tạm đã bị xói lở nhiều sau trận mưa lũ lớn năm 2022 chưa được nâng cấp, sửa chữa. Hiện tại, trên nhánh sông Vĩnh Điện, công trình đập tạm ngăn mặn Tứ Câu đã hoàn thiện vào ngày 06/3/2024.

Bảng 10. Bảng thống kê các đập ngăn mặn

TT	Tên đập	Tọa độ		Vị trí	Hình thức	Quy mô
		X	Y			
1	An Trạch	15°57'19,5"N	108°09'16,6"E	Xã Hòa Tiến, Hòa Vang, ĐN	Đập dâng	12 x (4,0 x 4,5)
2	Hà Thanh	15°57'10,2"N	108°11'48,4"E	Hòa Vang, ĐN	Đập dâng	7 x (2,35 x 1,85)
3	Bàu Nít	15°56'57,1"N	108°12'10"E	Xã Điện Hòa, Điện Bàn, QN	Đập dâng	6 x (4,2 x 3,8)
4	Thanh Quyết	15°54'58"N	108°13'01"E	Xã Điện Thắng Nam, Điện Bàn, QN	Đập dâng	6 x (3,8 x 2,5)
5	Duy Thành	15°49'54,5"N	108°19'45,8"E	Xã Duy Thành, Duy Xuyên, QN	Đập ngăn mặn	Dài 300m, gồm cửa van sập 4 x (20 x 4)m và 2 đập tràn BT
6	Quảng Huế	15°52'14,3"N	108°06'14,2"E	Xã Đại Cường, Đại Lộc, QN	Đập tạm	Dài 360m, cao TB 5m, rộng 7-8m
7	Tứ Câu	15°57'19,5"N	108°09'16,6"E	Xã Điện Ngọc, Điện Bàn, QN	Đập tạm	Dài 99,95m

(Nguồn: Nhóm thực hiện)

Một số hình ảnh các đập dâng, đập tạm ngăn mặn trên hệ thống Vu Gia - Thu Bồn

(Nguồn: nhóm thực hiện)



Hình 2. Đập dâng An Trạch



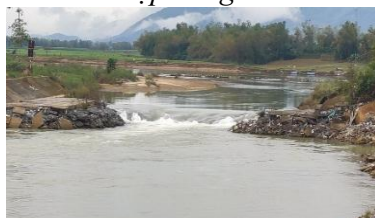
Hình 3. Đập dâng Hà Thanh



Hình 4. Đập dâng Thanh Quyết



Hình 5. Đập dâng Bàu Nít



Hình 6. Đập tạm Quảng Huế



Hình 7. Đập tạm Tứ Câu

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tháng 4/2024

2.1. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước trong tháng 4 căn cứ theo các cơ sở sau:

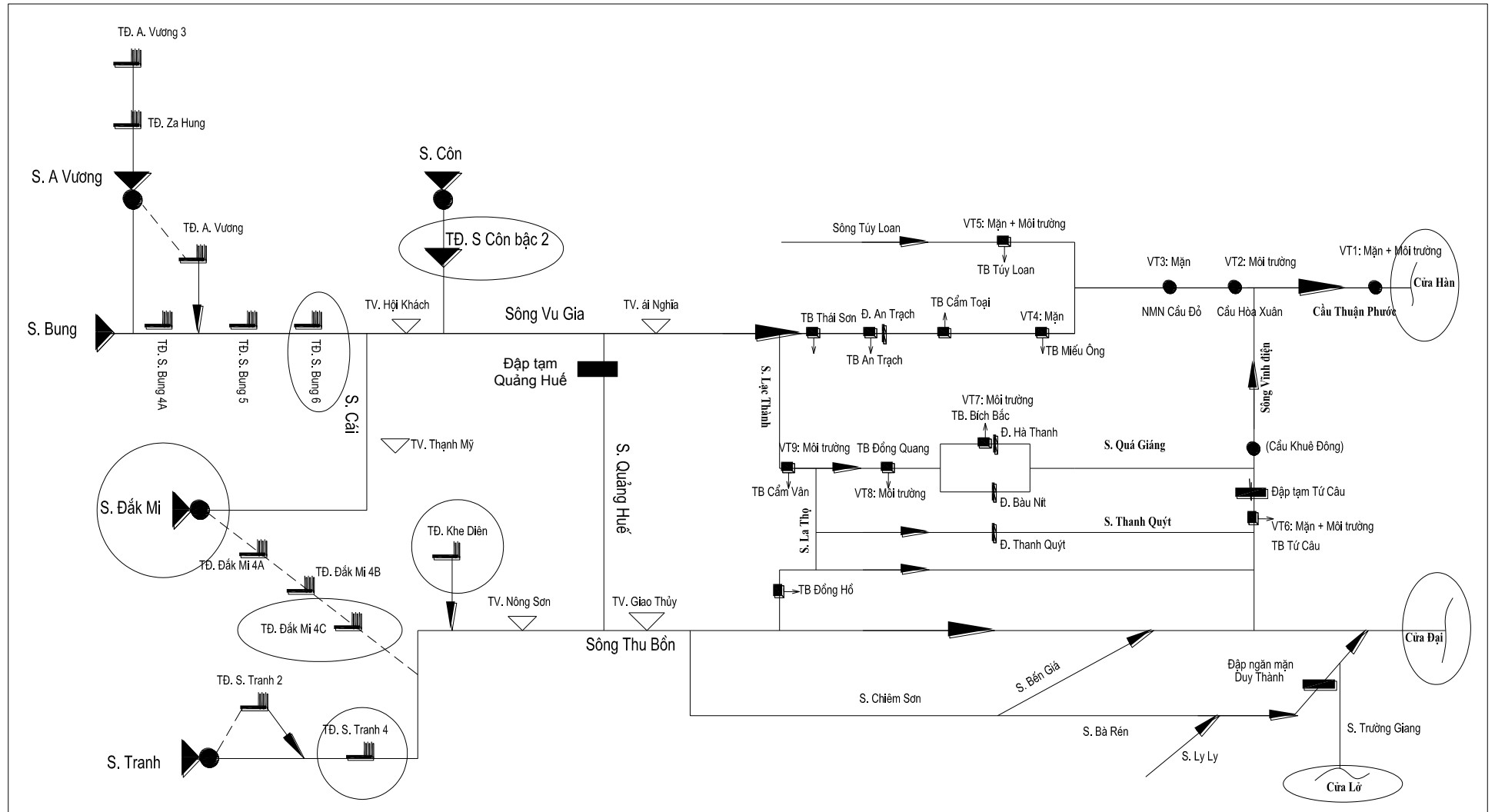
- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định và đã được cập nhật mới nhất năm 2024 cho lưu vực Vu Gia - Thu Bồn.

- Số liệu khí tượng, hải văn dự báo từ ngày 05/4 - 30/4 do Đài Khí tượng Thủy văn Trung Trung Bộ cung cấp.

- Số liệu lưu lượng xả của 06 thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn ban hành theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.

- Đã mô phỏng các công trình ngăn mặn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn như: đập ngăn mặn Duy Thành (trên sông Ly Ly), đập tạm Quảng Huế (trên sông Quảng Huế), đập tạm Tứ Câu (sông Vĩnh Điện).

2.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán



Hình 7. Sơ đồ mạng lưới sông Vu Gia – Thu Bồn đưa vào tính toán

Bảng 8. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính lưu vực VG-TB

TT	Trạm	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	Dự báo tình hình mưa tháng tới (mm)	So sánh lượng mưa tháng với cùng kỳ (+/-(%))	
				TBNN	2023
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trà My	293,2	43,40	43,45	857,14
2	Thành Mỹ	104,8	74,80	78,76	215,23
3	Nông Sơn	143,8	43,60	47,69	77,70
4	Ái Nghĩa	72,4	23,00	42,95	153,33
5	Giao Thủy	83,0	15,20	28,92	155,10
6	Khâm Đức	181,8	43,70	x	417,74
7	Hội Khách	79,2	62,00	117,65	313,13
8	Hiên	166,2	147,50	x	2421,88
9	Câu Lâu	92,2	8,50	24,11	303,57
10	Hiệp Đức	189,8	36,20	56,39	187,19
11	Tiên Phước	244,6	17,60	x	314,29
12	Tam Kỳ	285,8	22,40	43,40	71,57
13	Cẩm Lệ	20,4	9,80	25,55	181,48
14	Đà Nẵng	54,6	5,60	14,26	24,67
Tổng		2011,8	553,30		

(Nguồn: Đài KTTV Trung Trung Bộ)

Nhận xét: Theo Đài KTTV Trung Trung Bộ, lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn đạt khoảng **2011,8mm**. Dự báo trong tháng 4/2023 tổng lượng mưa tại các trạm đo mưa dao động từ 5,6mm đến 147,5mm; tổng lượng mưa trên khu vực nghiên cứu dự kiến đạt khoảng 553,30mm.

2.3. Kết quả dự báo xâm nhập mặn tại 7 vị trí

Theo kết quả dự báo từ ngày 05/04- 30/04 độ mặn tại 07 vị trí cầu Thuận Phước (VT1), cầu Hòa Xuân (VT2), thượng lưu cầu Đò (VT3), trạm bơm Miếu Ông (VT4), trạm bơm Túy Loan (VT5), vòm Cẩm Đồng (VT9) và cầu Câu Lâu cũ (VT10) có xu hướng tăng so với tháng trước, riêng tại trạm bơm Tứ Câu (VT6) độ mặn có xu hướng giảm. Độ mặn dự báo tại các vị trí như sau:

- Tại VT1 (cầu Thuận Phước): độ mặn có xu hướng gia tăng từ ngày 04/04 - 13/04 sau đó giảm xuống đến ngày 18/4, từ ngày 19/4 độ mặn tiếp tục tăng, đến ngày 28/4 độ mặn có xu hướng giảm đến cuối tháng. Giá trị độ mặn dự báo dao động từ 12,9‰ đến 25,1‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 25,1 ‰ vào lúc 12h00ph, ngày 13/4/2024.

- Tại VT2 (cầu Hòa Xuân): xu hướng biến đổi của độ mặn tương tự như tại vị trí cầu Thuận Phước. Giá trị độ mặn dự báo dao động từ 1,9‰ đến 8,3‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 8,3‰ vào lúc 12h00ph, ngày 13/4/2024.

- Tại VT3 (thượng lưu NMN Cầu Đò): độ mặn tiếp tục có xu hướng gia tăng; nhiều thời điểm độ mặn vượt quá giới hạn cho phép. Giá trị độ mặn dao động từ 0,03‰ đến 4,9‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 4,9‰ vào lúc 13h00ph, ngày 13/4/2024.

- Tại VT4 (trạm bơm Miếu Ông): độ mặn dao động từ 0‰ đến 2,3‰. Độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 2,3‰ vào lúc 14h00ph, ngày 13/4/2024.

- Tại VT5 (trạm bơm Túy Loan): độ mặn dao động từ 0‰ đến 2,1‰. Độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 2,1‰ vào lúc 14h00ph, ngày 13/4/2024.

- Tại vị trí TB Tứ Câu (VT6): độ mặn vẫn tiếp tục có xu hướng giảm, giá trị độ mặn dự báo dao động từ 0,0‰ đến 0,4‰.

- Tại VT9 (Vòm Cẩm Đồng): độ mặn dự báo dao động từ 0‰ đến 0,15‰. Độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 0,15‰ vào lúc 16h00ph, ngày 14/4/2024.

- Tại VT10 (cầu Cầu Lâu): độ mặn dao động từ 0 ‰ đến 1,1‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 1,1‰ vào lúc 15h00, ngày 14/4/2024.

2.4. Kết quả dự báo chất lượng nước tại 5 vị trí

Theo kết quả dự báo từ ngày 05/04- 30/04, hàm lượng của một số chỉ tiêu tại các vị trí quan trắc chất lượng nước như sau:

- Tại VT1 (Cầu Thuận Phước): Các chỉ tiêu dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ tiêu DO dao động từ 5,0– 6,0 mg/l, chỉ tiêu BOD₅ dao động từ 4,0- 5,0 mg/l, chỉ tiêu NH₄⁺-N dao động từ 0,450- 0,535mg/l, chỉ tiêu NO₃⁻-N dao động từ 4,210- 4,768mg/l.

- Tại VT5 (TB Tuý Loan): Các chỉ tiêu dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ tiêu DO dao động từ 5,0 – 6,2mg/l, chỉ tiêu BOD₅ dao động từ 4,3 –5,0mg/L, chỉ tiêu NH₄⁺-N dao động từ 0,445- 0,542mg/l, chỉ tiêu NO₃⁻-N dao động từ 4,210- 4,798mg/l.

- Tại VT6 (TB Tứ Cầu): Phần lớn các chỉ tiêu dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên tại một số thời điểm có khả năng chỉ tiêu BOD₅ có hàm lượng vượt quy chuẩn cho phép. Các chỉ tiêu dự báo có hàm lượng dao động như sau: chỉ tiêu DO dao động từ 5,0– 5,8 mg/l, chỉ tiêu BOD₅ dao động từ 4,5– 7,8mg/L, chỉ tiêu NH₄⁺-N dao động từ 0,450 - 0,596mg/l, chỉ tiêu NO₃⁻-N dao động từ 4,533- 5,407mg/l.

- Tại VT7 (TB Bích Bắc): Các chỉ tiêu dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ tiêu DO dao động từ 5,0– 6,1mg/l, chỉ tiêu BOD₅ dao động từ 4,0 - 5,1mg/L, chỉ tiêu NH₄⁺-N dao động từ 0,435 - 0,554mg/l, chỉ tiêu NO₃⁻-N dao động từ 4,360- 5,215mg/l.

- Tại VT8 (TB Đông Quang): Các chỉ tiêu dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ tiêu DO dao động từ 5,0 – 6,0mg/l, chỉ tiêu BOD₅ dao động từ 4,2 – 5,1mg/L, chỉ tiêu NH₄⁺-N dao động từ 0,450 - 0,525mg/l, chỉ tiêu NO₃⁻-N dao động từ 4,419 - 4,936mg/l.

V. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Theo kết quả tính toán dự báo trong tháng 4/2024, các chỉ tiêu chất lượng nước tại các điểm quan trắc cơ bản đảm bảo giới hạn quy định, tuy nhiên một số thời điểm có một số chỉ tiêu dự báo bằng và vượt giới hạn cho phép như chỉ tiêu BOD, COD, PO₄³⁻ tại vị trí trạm bơm Tứ Cầu. Đối với chỉ tiêu độ mặn trên các sông có xu hướng gia tăng trong khoảng thời gian từ ngày 04/04 - 13/04 sau đó giảm xuống đến ngày 18/4, từ ngày 19/4 độ mặn tiếp tục tăng, đến ngày 29/4 độ mặn có xu hướng giảm đến cuối tháng. Giá trị độ mặn dự báo tại trạm bơm Tuý Loan, Miếu Ông và thượng lưu NMN Cầu Đỏ nhiều thời điểm vượt giới hạn cho phép.

Trong tháng 4/2024 lượng mưa ít, lưu lượng và mực nước tại các sông có xu hướng thấp hơn so với tháng trước, do đó quá trình vận hành của hệ thống thủy điện thượng nguồn có tác động lớn đến hệ thống thủy lợi An Trạch và nguồn nước tại khu vực hạ du sông Vu Gia- Thu Bồn thuộc 2 tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng, do vậy để đảm bảo cho quá trình vận hành hệ thống cấp nước được an toàn, trong quá trình vận hành hệ thống An Trạch các đơn vị liên quan cần chú ý:

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng*: cần quan tâm chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Công ty Khai thác thủy lợi theo dõi diễn biến xâm nhập mặn, chất lượng nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả nhằm cấp nước cho cây trồng vụ Đông Xuân.

Ngoài ra, trước tình hình mực nước và xâm nhập mặn đã diễn ra trong tháng 03 trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, để đảm bảo an toàn cấp nước cho các trạm bơm trên sông phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng cần tiếp tục quan tâm chỉ đạo và có báo cáo kịp thời với UBND tỉnh/thành phố để chỉ đạo các hồ chứa thủy điện vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt; nghiên cứu phương án sửa chữa, nâng cấp hệ thống đập dâng An Trạch. Đối với đập tạm trên sông Quảng Huế cần sớm

xem xét để có giải pháp khắc phục, sửa chữa nhằm đảm bảo nguồn nước cấp cho khu vực hạ du thành phố Đà Nẵng trong thời gian sắp tới.

- Công ty TNHH MTV KTTL thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam:

Quản lý chặt chẽ nguồn nước và đảm bảo tưới cho các diện tích trong hệ thống; chỉ đạo các đơn vị theo dõi diễn biến mực nước, bám sát lịch thủy triều, lịch vận hành xả nước của các nhà máy thủy điện cũng như diễn biến xâm nhập mặn để đưa ra phương án vận hành nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho vụ Đông Xuân, lựa chọn thời điểm vận hành trạm bơm lấy nước đảm bảo yêu cầu về mực nước và chất lượng nước. Thực hiện vận hành các đập dâng An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt theo quy định tại khoản 1, Điều 26 của QTVH 1865/2019/QĐ-TTg để đảm bảo mực nước yêu cầu tại các trạm bơm trên hệ thống. Bên cạnh đó, các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hợp tác dùng nước tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, điều tiết dẫn nước trên hệ thống kênh tưới nhằm cấp nước kịp thời phục vụ sản xuất.

- Nhà máy nước Cầu Đỏ: Theo kết quả dự báo độ mặn tại vị trí Cầu Đỏ trong tháng 4 có **khả năng dao động từ 0,03‰ đến 4,9‰**, nhiều thời điểm vượt quá 1,0‰ (1000mg/l), do đó khuyến cáo Nhà máy nước Cầu Đỏ cần theo dõi diễn biến độ mặn tại vị trí này để có phương án vận hành khai thác theo quy định tại Mục a, b, c Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg nhằm đảm bảo cấp nước an toàn. *Những thời điểm độ mặn nằm trong khoảng 200÷1000mg/l (0,2‰ ÷ 1,0‰) phải điều chỉnh giảm lưu lượng lấy qua cửa lấy nước của nhà máy và thực hiện lấy nước sông Vu Gia tối đa có thể từ trạm bơm nước tại đập dâng An Trạch; khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của NMN Cầu Đỏ lớn hơn 1000mg/l thì phải đóng kín cửa nhà máy và thực hiện việc bơm nước sông Vu Gia tối đa từ trạm bơm tại đập dâng An Trạch.* Đồng thời, NMN Cầu Đỏ cần chủ động xây dựng các phương án vận hành hợp lý để đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện mực nước tại thượng lưu đập An Trạch hạ thấp và trạm bơm phòng mặn An Trạch không hoạt động được.

- Đối với các nhà máy thủy điện: Các chủ hồ vận hành các hồ tuân theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác phòng chống hạn hán xâm nhập mặn vùng hạ du. Trong quá trình vận hành cần có sự phối hợp vận hành giữa các nhà máy thủy điện có liên quan để đưa mực nước về Phụ lục III trong QTVH 1865/2019/QĐ-TTg. Đồng thời, phải phối hợp chặt chẽ với Sở Nông Nghiệp và PTNT Quảng Nam xây dựng và thống nhất kế hoạch xả nước phát điện theo các đợt gấn với nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân năm 2023-2024 ở khu vực hạ du, đảm bảo sử dụng nước hiệu quả.

- Các cơ quan liên quan cần liên tục cập nhật, thông tin thường xuyên về tình hình xâm nhập mặn để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; hướng dẫn thực hiện các biện pháp giảm mặn, tưới tiết kiệm để giảm thiểu thiệt hại do mặn gây ra.

Chúng tôi sẽ tiếp tục quan trắc và đưa ra những khuyến cáo kịp thời nhằm có phương án ứng phó trong trường hợp xấu.

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2024

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn